



SỞ GDĐT QUẢNG NINH

Trường THPT chuyên Hạ Long

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo công văn số 2084/SGDDĐT-TCCBQLCL, ngày 25/6/2024 của Sở GDĐT Quảng Ninh)

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Trường THCS	Trúng tuyển lớp chuyên
1	0101049	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Toán
2	0101047	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	THCS Nguyễn Trãi. Uông Bí	Toán
3	0101122	NGUYỄN DUY PHÚ	Nam	THCS Lê Quý Đôn. Quảng Yên	Toán
4	0101050	TRẦN TRỌNG ĐỨC	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Toán
5	0101048	NGUYỄN TÀI ĐỨC	Nam	THCS Trới. Hạ Long	Toán
6	0101065	TRẦN MINH HOÀNG	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Toán
7	0101015	NGUYỄN NGÔ NGỌC BÌNH	Nữ	THCS Lê Quý Đôn. Quảng Yên	Toán
8	0101068	LÊ GIA HUY	Nam	THCS Lê Quý Đôn. Quảng Yên	Toán
9	0101001	HOÀNG MINH ANH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Toán
10	0101076	NGUYỄN DUY HÙNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Toán
11	0101005	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Toán
12	0101100	PHẠM MAI HẢI LONG	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Toán
13	0101139	ĐỖ GIA THỌ	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Toán
14	0101003	LÊ TRẦN VIỆT ANH	Nam	THCS Minh Thành. Quảng Yên	Toán
15	0101061	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Toán
16	0101081	BÙI TẤN KHANG	Nam	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Toán
17	0101105	ĐỖ LÊ MINH	Nam	THCS Nguyễn Trãi. Uông Bí	Toán
18	0101106	HÀ QUANG MINH	Nam	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Toán
19	0101125	NGÔ ĐÌNH QUANG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Toán
20	0101006	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả. Cẩm Phả	Toán
21	0101056	NGUYỄN NHẬT HẠO	Nam	THCS Mạo Khê II. Đông Triều	Toán
22	0101115	PHẠM THẾ NGỌC	Nam	THCS Nguyễn Trãi. Uông Bí	Toán
23	0101084	LÊ BÁ DUY KHÁNH	Nam	THCS Lê Quý Đôn. Quảng Yên	Toán
24	0101123	LƯƠNG GIA PHÚC	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Toán
25	0101137	LƯƠNG QUANG THẮNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Toán
26	0101138	HOÀNG HÙNG THỊNH	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Toán
27	0101133	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Toán
28	0101089	NGUYỄN MINH KỶ	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Toán
29	0101020	NGUYỄN VŨ BẢO CHÂU	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Toán
30	0101103	TRẦN ĐỨC MẠNH	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Toán
31	0101046	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Toán
32	0101053	KHÚC MẠNH HẢI	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Toán
33	0101088	NGUYỄN QUỐC KIÊN	Nam	THCS Hải Hòa. Móng Cái	Toán
34	0101071	NGUYỄN THÁI HUY	Nam	THCS Lý Tự Trọng. Hạ Long	Toán
35	0101147	ĐẶNG THÀNH TRUNG	Nam	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Toán

TT	Số báo danh	Họ tên		Giới tính	Trường THCS	Trúng tuyển lớp chuyên
36	0102019	ĐỖ ĐẮC	THỊNH	Nam	THCS Mạo Khê II. Đông Triều	Tin (Toán)
37	0102014	PHÙNG KHÔI	NGUYỄN	Nam	THCS Mạo Khê I. Đông Triều	Tin (Toán)
38	0102008	ĐỖ NGỌC	HÂN	Nữ	THCS Hồng Hải. Hạ Long	Tin (Toán)
39	0101070	NGUYỄN KIM	HUY	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Tin (Toán)
40	0101130	NGUYỄN THỊ THANH	QUÝ	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Tin (Toán)
41	0101031	ĐỖ ĐẠI	DŨNG	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Tin (Toán)
42	0101009	PHẠM TÙNG	ANH	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Tin (Toán)
43	0101097	TRƯƠNG HÀ	LINH	Nữ	THCS Nguyễn Trãi. Uông Bí	Tin (Toán)
44	0101069	LÊ QUANG	HUY	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Tin (Toán)
45	0101018	ĐINH NGUYỄN MINH	CHÂU	Nữ	THCS Mông Dương. Cẩm Phả	Tin (Toán)
46	0101096	NGUYỄN THÙY	LINH	Nữ	THCS Nguyễn Du. Đông Triều	Tin (Toán)
47	0101149	VŨ HUY	TRƯỜNG	Nam	THCS Lý Tự Trọng. Hạ Long	Tin (Toán)
48	0101002	LÊ HOÀNG TUẤN	ANH	Nam	THCS Cao Thắng. Hạ Long	Tin (Toán)
49	0101087	NGUYỄN ĐỨC	KIÊN	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Tin (Toán)
50	0101120	DƯƠNG NGỌC HOÀNG	PHONG	Nam	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Tin (Toán)
51	0101057	ĐINH GIA	HÂN	Nữ	THCS Trung Vương. Uông Bí	Tin (Toán)
52	0101110	VŨ TUẤN	MINH	Nam	THCS Mạo Khê II. Đông Triều	Tin (Toán)
53	0102010	NGUYỄN MINH	HƯƠNG	Nữ	THCS Cửa Ông. Cẩm Phả	Tin (Toán)
54	0101128	HOÀNG TRẦN KHÁNH	QUYÊN	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Tin (Toán)
55	0101113	VŨ THÀNH	NAM	Nam	THCS Ka Long. Móng Cái	Tin (Toán)
56	0101016	NGUYỄN THANH	BÌNH	Nữ	THCS Trói. Hạ Long	Tin (Toán)
57	0101017	VŨ NGUYỄN GIA	BÌNH	Nam	THCS Suối Khoáng. Cẩm Phả	Tin (Toán)
58	0101145	NGUYỄN MINH	TRÍ	Nam	THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả. Cẩm Phả	Tin (Toán)
59	0101099	NGUYỄN BẢO	LONG	Nam	THCS Nguyễn Du. Đông Triều	Tin (Toán)
60	0101082	PHẠM GIA	KHANG	Nam	THCS Lê Văn Tám - Hạ Long. Hạ Long	Tin (Toán)
61	0103010	LÊ BẢO	LÂM	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Tin (Tin)
62	0103015	BÙI HOÀNG	NAM	Nam	TH&THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - HL	Tin (Tin)
63	0103016	HOÀNG BÁ	NAM	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Tin (Tin)
64	0103008	LÊ PHÚC	HÙNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Tin (Tin)
65	0103009	VŨ MẠNH	HÙNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Tin (Tin)
66	0103004	PHẠM BẢO	DUY	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Tin (Tin)
67	0103011	TRẦN PHÚ	LÂM	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Tin (Tin)
68	0103007	VŨ TRẦN NGỌC	HÙNG	Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh. Đông Triều	Tin (Tin)
69	0103006	TÔ HOÀNG HẢI	ĐĂNG	Nam	THCS Kim Sơn. Đông Triều	Tin (Tin)
70	0103023	NGUYỄN THẾ	VINH	Nam	TH&THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - HL	Tin (Tin)
71	0104073	LÊ QUANG	THUẬN	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Lí
72	0104055	PHẠM MINH HOÀNG	NAM	Nam	THCS Hồng Hải. Hạ Long	Lí
73	0104012	LÂM AN	BÌNH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
74	0104020	BÙI TIẾN	ĐẠT	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Trường THCS	Trúng tuyển lớp chuyên
75	0104039	ĐINH TIẾN HÙNG	Nam	THCS Lê Quý Đôn. Quảng Yên	Lí
76	0104021	LÊ QUỐC ĐẠT	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
77	0104010	TRẦN GIA BẢO	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
78	0104078	ĐẶNG LÊ HÀ VI	Nữ	THCS Lê Quý Đôn. Quảng Yên	Lí
79	0104023	VŨ HẢI ĐĂNG	Nam	THCS Lê Quý Đôn. Quảng Yên	Lí
80	0104063	PHAN MINH PHƯƠNG	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
81	0104026	VŨ MINH ĐỨC	Nam	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Lí
82	0104058	BÙI THẢO NGUYÊN	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
83	0104037	THIỆU KHÁNH HUY	Nam	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Lí
84	0104067	PHẠM HỒNG QUÂN	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
85	0104042	PHẠM MINH KHÁNH	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
86	0104041	MAI QUANG KHÁNH	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
87	0104024	LÊ ANH ĐỨC	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
88	0104071	VŨ VĂN THĂNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
89	0104076	LÊ ĐỨC ANH TUẤN	Nam	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Lí
90	0104022	LÊ HẢI ĐĂNG	Nam	TH&THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - HL	Lí
91	0104048	NGUYỄN THANH LÂM	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Lí
92	0104036	PHẠM GIA HUY	Nam	THCS Nam Hải. Cẩm Phả	Lí
93	0104008	TRẦN DUY THỂ ANH	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
94	0104047	ĐẶNG QUYỀN LÂM	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
95	0104040	VŨ TRẦN PHÚC HÙNG	Nam	THCS Nguyễn Trãi. Uông Bí	Lí
96	0104002	LÊ ĐÌNH KHANG ANH	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Lí
97	0104069	MẠCH GIA THÀNH	Nam	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Lí
98	0104049	NGUYỄN TÙNG LÂM	Nam	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Lí
99	0104006	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả. Cẩm Phả	Lí
100	0104014	NGUYỄN THUY DUNG	Nữ	THCS Nguyễn Trãi. Uông Bí	Lí
101	0104072	NGUYỄN ĐĂNG THẮNG	Nam	THCS và THPT Đường Hoa Cương. Hải Hà	Lí
102	0104019	ĐINH QUANG ĐẠI	Nam	THCS Lý Tự Trọng. Hạ Long	Lí
103	0104032	PHẠM ĐỨC HÒA	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Lí
104	0104043	LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	THCS Lê Quý Đôn. Quảng Yên	Lí
105	0104044	TRẦN ANH KHOA	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Lí
106	0105040	BÙI ANH KHÔI	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Hóa
107	0105057	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Hóa
108	0105075	BÙI MINH QUÝ	Nam	THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long. Hạ Long	Hóa
109	0105050	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
110	0105052	BÙI BÌNH MINH	Nam	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Hóa
111	0105065	TRẦN BÍCH NGỌC	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Hóa
112	0105023	PHẠM VŨ NHẬT HÀ	Nữ	THCS Suối Khoáng. Cẩm Phả	Hóa
113	0105061	ĐINH ĐỨC NAM	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Trường THCS	Trúng tuyển lớp chuyên
114	0105095	BÙI THANH TÚ	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
115	0105030	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
116	0105015	BÙI NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	TH và THCS Minh Khai. Hạ Long	Hóa
117	0105058	NGUYỄN HỮU ĐỖ MINH	Nam	THCS Lương Khánh Thiện. Hải Phòng	Hóa
118	0105096	HOÀNG ANH TÚ	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
119	0105093	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Hóa
120	0105074	TRẦN MINH QUÂN	Nam	TH và THCS Hà Trung. Hạ Long	Hóa
121	0105031	TRỊNH GIA HUY	Nam	THCS Cao Thắng. Hạ Long	Hóa
122	0105094	HOÀNG ANH TUẤN	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
123	0105076	NGUYỄN LÊ THANH	Nữ	THCS Cẩm Thịnh. Cẩm Phả	Hóa
124	0105044	BÙI PHƯƠNG LINH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
125	0105003	NGÔ HÀ ANH	Nữ	THCS Thị trấn Bình Liêu. Bình Liêu	Hóa
126	0105081	NGUYỄN QUANG THÁI	Nam	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Hóa
127	0105014	TRẦN ĐỨC DUY	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
128	0105028	PHẠM QUANG HOÀN	Nam	THCS Thị Trấn Cái Rồng. Vân Đồn	Hóa
129	0105007	TRƯƠNG HUY TUẤN ANH	Nam	THCS Hồng Hải. Hạ Long	Hóa
130	0105099	BÙI THỊ HOÀNG YÊN	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
131	0105027	NGUYỄN TRÍ HIẾU	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
132	0105051	ĐOÀN BÙI ĐỨC LONG	Nam	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Hóa
133	0105017	LÊ HẢI ĐĂNG	Nam	THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả. Cẩm Phả	Hóa
134	0105036	PHẠM GIA HÙNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
135	0105064	LÊ TRUNG NGHĨA	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
136	0105067	VŨ NGUYỄN THẢO NHI	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
137	0105056	LÊ QUANG MINH	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Hóa
138	0105063	VY HÀ NGÂN	Nữ	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Hóa
139	0105022	ĐOÀN HỒNG HÀ	Nữ	THCS Bãi Tử Long. Cẩm Phả	Hóa
140	0105068	LÔ QUỲNH NHƯ	Nữ	THCS Thị trấn Bình Liêu. Bình Liêu	Hóa
141	0106056	PHẠM ANH THÁI	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sinh
142	0106039	PHẠM BẢO LINH	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Sinh
143	0106018	NGUYỄN LÊ THÙY DƯƠNG	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí. Uông Bí	Sinh
144	0106014	NGUYỄN THẢO CHI	Nữ	THCS Lê Văn Tám - Hạ Long. Hạ Long	Sinh
145	0106062	VŨ THÀNH TRUNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sinh
146	0106047	NGUYỄN TRỊNH BẢO NGÂN	Nữ	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Sinh
147	0106054	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	THCS Cửa Ông. Cẩm Phả	Sinh
148	0106029	TRẦN KHÁNH HUYỀN	Nữ	THCS Lý Tự Trọng. Hạ Long	Sinh
149	0106006	NGUYỄN NGUYỄN ANH	Nam	THCS Hồng Hải. Hạ Long	Sinh
150	0106021	TRẦN HOÀNG ĐẠT	Nam	THCS Việt Hưng. Hạ Long	Sinh
151	0106035	LÊ HÀ LINH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sinh
152	0106053	NGUYỄN HOÀNG MAI PHƯƠNG	Nữ	TH&THCS và THPT Văn Lang. Hạ Long	Sinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Trường THCS	Trúng tuyển lớp chuyên
153	0106033	DƯƠNG HÀ LINH	Nữ	THCS Nguyễn Trãi. Uông Bí	Sinh
154	0106020	ĐINH QUANG ĐẠT	Nam	THCS Thị trấn Tiên Yên. Tiên Yên	Sinh
155	0106001	PHAN BÁ HÀ AN	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sinh
156	0106022	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sinh
157	0106032	NGUYỄN BẢO LAN	Nữ	TH-THCS-THPT Thực hành Sư phạm. UB	Sinh
158	0106049	NGUYỄN THÁI NGỌC NHI	Nữ	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Sinh
159	0106065	HOÀNG MINH TUẤN	Nam	THCS Lê Quý Đôn. Quảng Yên	Sinh
160	0106013	HOÀNG NGUYỄN PHƯƠNG CHI	Nữ	THCS Suối Khoáng. Cẩm Phả	Sinh
161	0106015	NGÔ HOÀNG DIỆP	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Sinh
162	0106011	ĐÀO MINH HUYỀN CHÂU	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sinh
163	0106037	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	THCS Lê Lợi. Hạ Long	Sinh
164	0106031	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sinh
165	0106058	CHU PHƯƠNG TRANG	Nữ	THCS Kim Đồng - Hạ Long. Hạ Long	Sinh
166	0106034	ĐỖ HÀ LINH	Nữ	THCS Cửa Ông. Cẩm Phả	Sinh
167	0106004	LÃ DIỆP ANH	Nữ	THCS Cửa Ông. Cẩm Phả	Sinh
168	0101094	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Sinh
169	0106067	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	TH-THCS-THPT Thực hành Sư phạm.UB	Sinh
170	0106040	PHẠM GIA LINH	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Sinh
171	0106008	PHẠM HIỀN ANH	Nữ	THCS Lê Quý Đôn. Quảng Yên	Sinh
172	0106046	NGUYỄN VŨ HOÀNG NAM	Nam	THCS Bãi Tử Long. Cẩm Phả	Sinh
173	0106003	DƯƠNG HẢI ANH	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Sinh
174	0106055	TẠ ĐỨC SƠN	Nam	THCS Trần Quốc Toàn - Uông Bí. Uông Bí	Sinh
175	0106068	NGUYỄN HUY VŨ	Nam	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Sinh
176	0107076	NGUYỄN GIA HÙNG	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Văn
177	0107109	TẠ MINH NGỌC	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Văn
178	0107078	NGUYỄN THU HƯỜNG	Nữ	THCS Cao Thắng. Hạ Long	Văn
179	0107117	HOÀNG MAI PHƯƠNG	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Văn
180	0107122	MAI PHƯƠNG THẢO	Nữ	TH&THCS và THPT Văn Lang. Hạ Long	Văn
181	0107110	TRẦN THỊ LINH NGỌC	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Văn
182	0107129	PHẠM THỊ MINH THU	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Văn
183	0107121	HOÀNG MAI TRÚC QUỲNH	Nữ	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Văn
184	0107079	VŨ TUẤN KIẾT	Nam	THCS Trưng Vương. Uông Bí	Văn
185	0107088	TRẦN NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Văn
186	0107058	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	Nữ	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Văn
187	0107027	TẠ THÚY ANH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Văn
188	0107031	HOÀNG HÀ CHI	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Văn
189	0107070	NGUYỄN BÙI DIỆU HUYỀN	Nữ	THCS Cao Thắng. Hạ Long	Văn
190	0107124	TRẦN THU THẢO	Nữ	TH&THCS và THPT Lê Thánh Tông. HL	Văn
191	0107023	NGUYỄN TRẦN VÂN ANH	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Văn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Trường THCS	Trúng tuyển lớp chuyên
192	0107011	LÊ THỊ HÀ ANH	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Văn
193	0107002	NGUYỄN THU AN	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Văn
194	0107047	ĐÀO KHÁNH DƯƠNG	Nam	THCS Hà Tu. Hạ Long	Văn
195	0107032	LÊ YẾN CHI	Nữ	THCS Hồng Hải. Hạ Long	Văn
196	0107118	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Văn
197	0107123	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Văn
198	0107082	HÀ PHƯƠNG LINH	Nữ	THCS Lê Văn Tám - Hạ Long. Hạ Long	Văn
199	0107080	BÙI HƯƠNG LIÊN	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Văn
200	0107044	NGUYỄN HUYỀN ĐIỀU	Nữ	THCS Thị trấn Ba Chẽ. Ba Chẽ	Văn
201	0107090	TRẦN THỊ KHÁNH LY	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Văn
202	0107028	TRẦN HOÀNG TÚ ANH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Văn
203	0107102	LÊ PHƯƠNG NGA	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Văn
204	0107026	PHẠM NGỌC ANH	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Văn
205	0107043	VŨ NGỌC DIỆP	Nữ	THCS Lý Tự Trọng. Hạ Long	Văn
206	0107066	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	THCS Trới. Hạ Long	Văn
207	0107092	NGUYỄN HOÀNG MAI	Nữ	THCS Minh Thành. Quảng Yên	Văn
208	0107077	VŨ DUY HÙNG	Nam	THCS Hà Tu. Hạ Long	Văn
209	0107057	NGUYỄN THANH HÀ	Nữ	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Văn
210	0107101	NGUYỄN THIÊN MỸ	Nữ	THCS Trung Vương. Uông Bí	Văn
211	0108022	NGUYỄN NGÂN GIANG	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Sử
212	0108012	ĐOÀN TRẦN NGỌC BẢO	Nam	TH&THCS và THPT Văn Lang. Hạ Long	Sử
213	0108011	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
214	0107094	TRẦN QUỲNH MAI	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
215	0108021	BÙI HƯƠNG GIANG	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
216	0108054	NINH YẾN NHI	Nữ	THCS Nguyễn Văn Thuộc. Hạ Long	Sử
217	0108030	NGUYỄN HOÀNG LÂN	Nam	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Sử
218	0108071	NGUYỄN THANH TRÀ	Nữ	TH&THCS và THPT Văn Lang. Hạ Long	Sử
219	0108074	BÙI ANH TÙNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
220	0108043	NGUYỄN HÀ NGÂN	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Sử
221	0108066	PHẠM THANH THẢO	Nữ	THCS Tiên An. Quảng Yên	Sử
222	0108028	LÊ PHẠM AN KHÁNH	Nữ	THCS Lý Tự Trọng. Hạ Long	Sử
223	0108017	NGUYỄN NGỌC ÁNH DƯƠNG	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Sử
224	0108005	NGUYỄN VŨ BẢO ANH	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Sử
225	0108063	LÊ ĐĂNG QUANG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
226	0108053	NGUYỄN BÙI THẢO NHI	Nữ	THCS Lý Tự Trọng. Hạ Long	Sử
227	0108055	PHẠM TRANG NHUNG	Nữ	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Sử
228	0108026	VŨ THÀNH HÙNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
229	0108058	NGUYỄN TUẤN PHONG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
230	0108072	PHẠM THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	TH và THCS Hà Trung. Hạ Long	Sử

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Trường THCS	Trúng tuyển lớp chuyên
231	0108020	VŨ ANH ĐỨC	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
232	0108048	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Sử
233	0108013	VŨ THỊ MINH CHÂU	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Sử
234	0108025	PHAN ĐỨC HÙNG	Nam	THCS Nguyễn Du. Đông Triều	Sử
235	0108079	HOÀNG TƯỜNG VY	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
236	0108035	NGUYỄN HOÀNG THIÊN LONG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
237	0108062	ĐỖ TRỊNH ĐĂNG QUANG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
238	0108080	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Sử
239	0108069	NGUYỄN HẠ MINH TRANG	Nữ	THCS Việt Hưng. Hạ Long	Sử
240	0108039	NGUYỄN LÊ HOÀNG MINH	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
241	0108049	TRẦN VŨ BẢO NGỌC	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
242	0108016	LÊ TRINH DƯ	Nữ	THCS Lê Văn Tám - Hạ Long. Hạ Long	Sử
243	0108019	TRẦN PHƯƠNG HẢI ĐĂNG	Nữ	THCS Nguyễn Đức Cảnh. Đông Triều	Sử
244	0108041	LÊ CÔNG NAM	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
245	0108044	CHU BẢO NGỌC	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Sử
246	0109028	NGÔ DIỆU LINH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Địa
247	0109020	HOÀNG THỊ THU HÒA	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Địa
248	0109050	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Địa
249	0109046	VŨ THẢO PHƯƠNG	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Địa
250	0109016	MAI THUỶ DƯƠNG	Nữ	THCS Cao Thắng. Hạ Long	Địa
251	0109027	ĐINH NGỌC LIÊN	Nữ	THCS Lê Quý Đôn. Quảng Yên	Địa
252	0109014	TRẦN NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	TH&THCS và THPT Đoàn Thị Điểm - HL	Địa
253	0109018	TRƯƠNG TIẾN ĐẠT	Nam	THCS Hồng Hải. Hạ Long	Địa
254	0109034	LÊ VŨ TRÀ MY	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Địa
255	0109057	VŨ ĐỨC HIỀN TRÂN	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Địa
256	0109004	LÊ NGỌC ANH	Nữ	THCS Cao Thắng. Hạ Long	Địa
257	0109038	LÊ KHÁNH NGỌC	Nữ	THCS Cao Thắng. Hạ Long	Địa
258	0109055	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Địa
259	0109013	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Địa
260	0109045	TRẦN THẢO PHƯƠNG	Nữ	THCS Cao Thắng. Hạ Long	Địa
261	0109002	ĐỖ THẾ ANH	Nam	TH và THCS Bãi Cháy 2. Hạ Long	Địa
262	0109031	NGUYỄN HIỀN LƯƠNG	Nữ	THCS Cao Thắng. Hạ Long	Địa
263	0109043	NGUYỄN SỸ PHÚC	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Địa
264	0109008	PHẠM TRÂM ANH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Địa
265	0109021	ĐOÀN NGUYỄN THÀNH HUY	Nam	THCS Lê Văn Tám - Hạ Long. Hạ Long	Địa
266	0109061	NGUYỄN THỊ THẢO VI	Nữ	THCS Mạo Khê I. Đông Triều	Địa
267	0109006	NGUYỄN DUY ANH	Nam	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Địa
268	0109052	BÙI MINH THU	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Địa
269	0109048	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	THCS Hồng Hải. Hạ Long	Địa

TT	Số báo danh	Họ tên		Giới tính	Trường THCS	Trúng tuyển lớp chuyên
270	0109039	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Địa
271	0109030	NGUYỄN NHẤT	LONG	Nam	THCS thị trấn Quảng Hà. Hải Hà	Địa
272	0109015	NGÔ MỸ	DUYÊN	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Địa
273	0109040	NGUYỄN THANH	NHẤT	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Địa
274	0109032	NGUYỄN THỊ DIỆU	LY	Nữ	THCS Kim Đồng - Hạ Long. Hạ Long	Địa
275	0109042	NGUYỄN PHẠM GIA	NHU	Nữ	THCS thị trấn Quảng Hà. Hải Hà	Địa
276	0109017	NGUYỄN THUY	DƯƠNG	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Địa
277	0109041	BÙI YẾN	NHI	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Địa
278	0109011	NGUYỄN LINH	CHI	Nữ	THCS Lý Tự Trọng - Cẩm Phả. Cẩm Phả	Địa
279	0109036	HÀ PHƯƠNG	NGÂN	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Địa
280	0109022	NGUYỄN GIA	HUY	Nam	THCS Cẩm Thành. Cẩm Phả	Địa
281	0110114	NGUYỄN HOÀNG	MINH	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
282	0110102	PHẠM DIỆU	LINH	Nữ	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Anh
283	0110025	NGÔ GIA	BẢO	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
284	0110069	NGUYỄN MINH	HOÀNG	Nam	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Anh
285	0110105	VƯƠNG HÀ	LINH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
286	0110156	BÙI TIẾN	THÀNH	Nam	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Anh
287	0110034	HOÀNG HÀ	CHI	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
288	0110007	HOÀNG HIỀN	ANH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
289	0110173	VŨ ĐỨC	TRÍ	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
290	0110073	NGUYỄN TRẦN CÔNG	HUY	Nam	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Anh
291	0110070	NGUYỄN DANH	HỒNG	Nam	THCS Thị Trấn Cái Rồng. Vân Đồn	Anh
292	0110110	NGUYỄN HOÀNG	MAI	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Anh
293	0110154	VŨ THỊ MINH	TÂM	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
294	0110134	HOÀNG ĐÌNH	NHÂN	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
295	0110182	TRÌNH BÁCH	TÙNG	Nam	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Anh
296	0110181	PHẠM ĐỨC	TÙNG	Nam	THCS Ka Long. Móng Cái	Anh
297	0110120	NGUYỄN HOÀNG	NGÂN	Nữ	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Anh
298	0110001	PHẠM ĐỨC	AN	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
299	0110008	LA TRẦN MINH	ANH	Nữ	THCS Bãi Tử Long. Cẩm Phả	Anh
300	0110161	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
301	0110016	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Anh
302	0110159	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	Nữ	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Anh
303	0110096	HÀ YẾN	LINH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
304	0110113	NGÔ QUANG	MINH	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
305	0110145	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
306	0110191	VŨ NGỌC	VÂN	Nữ	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Anh
307	0110186	PHẠM QUỲNH	TÚ	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
308	0110088	PHẠM TRÍ	KIÊN	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Trường THCS	Trúng tuyển lớp chuyên
309	0110180	LÊ THANH TÙNG	Nam	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Anh
310	0110003	DƯƠNG QUỲNH ANH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
311	0110089	ĐINH TUẤN	Nam	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Anh
312	0110037	PHẠM QUỲNH CHI	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Anh
313	0110146	PHẠM MAI PHƯƠNG	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
314	0110164	NGUYỄN LÊ NGỌC THÚY	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
315	0110174	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	Nam	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Anh
316	0110183	TRƯƠNG ANH TÙNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
317	0110122	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
318	0110185	ĐỖ PHƯƠNG TÚ	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
319	0110083	ĐẶNG NGỌC KHÁNH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
320	0110178	TRẦN DANH ĐỨC TUẤN	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
321	0110170	TRẦN NGUYỄN ANH THU	Nữ	THCS Mạo Khê II. Đông Triều	Anh
322	0110184	ĐÀO CẨM TÚ	Nữ	THCS Nguyễn Văn Thuộc. Hạ Long	Anh
323	0110100	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Anh
324	0110119	HOÀNG HỒNG NGÂN	Nữ	THCS Nguyễn Du. Đông Triều	Anh
325	0110042	NGUYỄN TRUNG DŨNG	Nam	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Anh
326	0110044	PHAN THƯƠNG THU DƯƠNG	Nữ	THCS Minh Thành. Quảng Yên	Anh
327	0110095	ĐỖ PHƯƠNG LINH	Nữ	THCS Mạo Khê II. Đông Triều	Anh
328	0110150	NGUYỄN MẠNH QUÂN	Nam	THCS Kim Đồng - Hạ Long. Hạ Long	Anh
329	0110033	ĐÀO NGUYỄN YẾN CHI	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
330	0110047	PHẠM LINH ĐAN	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
331	0110009	LÝ DUY ANH	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Anh
332	0110026	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN BẢO	Nam	THCS Trọng Điểm - Cẩm Phả. Cẩm Phả	Anh
333	0110139	NGUYỄN XUÂN PHÚ	Nam	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Anh
334	0110012	NGUYỄN HÀ NHẬT ANH	Nam	TH và THCS Minh Khai. Hạ Long	Anh
335	0110045	PHẠM THÁI DƯƠNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
336	0110049	VĂN TIẾN ĐẠT	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Anh
337	0110116	VŨ NGỌC MINH	Nam	TH và THCS Minh Khai. Hạ Long	Anh
338	0110058	NGUYỄN NGÂN HÀ	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
339	0101072	NGUYỄN TRỌNG VŨ HÙNG	Nam	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Anh
340	0110118	BÙI HÀ MY	Nữ	THCS Kim Đồng - Hạ Long. Hạ Long	Anh
341	0110104	VŨ NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Anh
342	0110091	NGUYỄN TÙNG LÂM	Nam	THCS Cao Thắng. Hạ Long	Anh
343	0110078	HÀ DUY HÙNG	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
344	0110153	NGUYỄN HỮU BẢO SƠN	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
345	0110176	PHƯƠNG MINH TRƯỜNG	Nam	THCS Thị trấn Tiên Yên. Tiên Yên	Anh
346	0110133	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	THCS Thị Trấn Cái Rồng. Vân Đồn	Anh
347	0110076	ĐÀM THANH HUYỀN	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Trường THCS	Trúng tuyển lớp chuyên
348	0110015	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	Nữ	THCS Cao Thắng. Hạ Long	Anh
349	0110158	VŨ MINH THÀNH	Nam	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Anh
350	0110063	TẠ TÔ MỸ HẠNH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Anh
351	0111059	MAI THÁI VƯƠNG	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Trung
352	0111016	PHẠM QUỲNH CHI	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Trung
353	0111036	VŨ TRƯỜNG MINH	Nam	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Trung
354	0111033	ỨNG KHÁNH LINH	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Trung
355	0111034	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Nữ	THCS Ninh Dương. Móng Cái	Trung
356	0111015	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Trung
357	0111025	NGUYỄN PHÚ HÙNG	Nam	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Trung
358	0111014	NGỌC QUỲNH CHI	Nữ	TH&THCS và THPT Văn Lang. Hạ Long	Trung
359	0111012	VŨ THÙY ANH	Nữ	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Trung
360	0111048	NGUYỄN PHƯƠNG THUY	Nữ	THCS Hồng Hải. Hạ Long	Trung
361	0111008	NGUYỄN HOÀI ANH	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Trung
362	0111009	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Trung
363	0111029	DƯƠNG ĐẠI LẬP	Nam	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Trung
364	0111049	NGUYỄN LINH THÙY	Nữ	TH-THCS-THPT Thực hành Sư phạm. UB	Trung
365	0111010	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	THCS Trần Quốc Toàn. Hạ Long	Trung
366	0111028	HÀ NGỌC BẢO KHÁNH	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Trung
367	0111056	ĐỖ VÂN UYÊN	Nữ	TH và THCS Bãi Cháy 2. Hạ Long	Trung
368	0111046	LÃ TÂM THẢO	Nữ	THCS Trói. Hạ Long	Trung
369	0111042	ĐÀO MINH NGUYỆT	Nữ	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Trung
370	0111021	TRẦN NGUYỄN MẠNH ĐỨC	Nam	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Trung
371	0111040	TRẦN MINH NGỌC	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Trung
372	0111053	NGUYỄN THỊ VÂN TRANG	Nữ	THCS Lê Văn Tám - Hạ Long. Hạ Long	Trung
373	0111032	LÊ THẢO LINH	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Trung
374	0111037	NGUYỄN HÀ MY	Nữ	THCS Chu Văn An. Cẩm Phả	Trung
375	0111017	BÙI ÁNH DƯƠNG	Nữ	THCS Ninh Dương. Móng Cái	Trung
376	0111047	TRƯƠNG MẬU THÁI	Nam	THCS Hồng Hải. Hạ Long	Trung
377	0111007	LÊ PHƯƠNG ANH	Nữ	THCS Bãi Cháy. Hạ Long	Trung
378	0111058	TRẦN THỊ THẢO UYÊN	Nữ	THCS Trọng Điểm. Hạ Long	Trung
379	0111006	LÊ NGỌC KIỀU ANH	Nữ	TH và THCS Bãi Cháy 2. Hạ Long	Trung
380	0111045	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	Nữ	TH và THCS Bãi Cháy 2. Hạ Long	Trung
381	0111020	NGUYỄN SĨ ĐÔN	Nam	THCS Hòa Lạc. Móng Cái	Trung
382	0111002	ĐÀO TÚ ANH	Nữ	THCS Lê Văn Tám - Hạ Long. Hạ Long	Trung
383	0111019	VŨ THÀNH ĐẠT	Nam	THCS Ninh Dương. Móng Cái	Trung
384	0111003	HOÀNG CHÂU ANH	Nữ	TH&THCS và THPT Văn Lang. Hạ Long	Trung
385	0111011	TRẦN THỊ XUÂN ANH	Nữ	TH và THCS Bãi Cháy 2. Hạ Long	Trung
386	0112001	HOÀNG MINH ANH	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Trường THCS	Trúng tuyển lớp chuyên
387	0112030	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH NGỌC	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
388	0112046	BÙI HOÀNG TÙNG	Nam	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
389	0112042	NGUYỄN TRUNG THÀNH	Nam	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
390	0112005	NGUYỄN NHƯ ANH	Nữ	THCS Mạo Khê II. Đông Triều	Pháp
391	0112038	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
392	0112023	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
393	0112014	NGUYỄN VŨ ĐỨC	Nam	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
394	0112035	VŨ LINH NGỌC	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
395	0112044	ĐOÀN VŨ MINH THU	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
396	0112051	NGUYỄN VŨ HOÀNG YẾN	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
397	0112012	BÙI HOÀNG DƯƠNG	Nam	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
398	0112043	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
399	0112025	LÊ TRỊNH MINH MINH	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
400	0112022	MAI PHƯƠNG LINH	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
401	0112036	NGUYỄN QUỲNH NHI	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
402	0112045	NGUYỄN PHÚC MINH TRANG	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
403	0112011	ĐẶNG PHƯƠNG CHI	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
404	0112017	NGÔ THÀNH HÙNG	Nam	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
405	0112050	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
406	0112039	NÔNG BÍCH PHƯƠNG	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
407	0112037	NGUYỄN THIÊN PHÚ	Nam	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
408	0112008	PHẠM NHẬT ÁNH	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
409	0112006	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
410	0112013	ĐÀO TIẾN ĐẠT	Nam	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
411	0112015	ĐỖ THỊ BẢO HÂN	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
412	0112029	ĐỖ BẢO NGỌC	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
413	0112027	ĐỖ BẢO NGÂN	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
414	0112024	NGUYỄN THANH MAI	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
415	0112002	LÊ VŨ HỒNG ANH	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp
416	0112021	NGUYỄN LÊ THỦY LAN	Nữ	Trường THPT Hòn Gai. Hạ Long	Pháp